

Hoạt động R&D và tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Hưng Yên

TS Đặng Thu Hương, ThS Nguyễn Thanh Lâm

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Hưng Yên là một trong những tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng thu hút được nhiều doanh nghiệp công nghiệp đầu tư. Tuy nhiên, các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn chưa coi trọng khoa học và công nghệ (KH&CN). Kết quả điều tra khảo sát 302 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên của nhóm tác giả thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho thấy: Trình độ công nghệ ở mức thấp và trung bình thấp; các doanh nghiệp chưa chú trọng thỏa đáng tới hoạt động nghiên cứu - triển khai (R&D) và tiếp nhận công nghệ (TNCN); có nhiều yếu tố tác động tới hoạt động R&D và TNCN... Kết quả này cùng với một số gợi ý chính sách của nhóm tác giả sẽ là luận cứ khoa học quan trọng để tỉnh có những chính sách phù hợp nhằm phát triển công nghiệp có giá trị gia tăng cao, 1 trong 3 khâu đột phá mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII của tỉnh Hưng Yên đã đề ra.

Thực trạng hoạt động R&D và TNCN

Hoạt động R&D

Kết quả điều tra cho thấy, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ở mức thấp và trung bình thấp, cá biệt có một số doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu 3-4 thế hệ so với thế giới. Tuy nhiên, vấn đề đầu tư nguồn lực cho hoạt động R&D và TNCN của các doanh nghiệp lại rất hạn chế.

Về tổ chức, qua điều tra thực trạng hoạt động R&D trong các doanh nghiệp công nghiệp của Hưng Yên cho thấy, số doanh nghiệp có tổ chức bộ phận R&D độc lập là rất thấp (chỉ 1/3 doanh nghiệp có bộ phận R&D). Ở các doanh nghiệp này, hoạt động chủ yếu là hướng đến phát triển sản phẩm (78,4%) mà chưa chú ý đến phát triển công nghệ (32,8%), hướng vào đổi mới quá trình (20,8%), cải tiến bao bì (12%).

Về đầu tư tài chính, chi phí tài chính dành cho hoạt động R&D của các doanh nghiệp rất khiêm tốn và mức chi này có xu hướng không đổi. Trong số các doanh nghiệp được điều tra, có đến 58,5% số doanh nghiệp không chi cho hoạt động R&D, chỉ có khoảng 14,2% số doanh nghiệp có mức chi dưới 0,5% doanh số, 16,2% doanh nghiệp chi 1,5-2% doanh số và tỷ lệ còn lại là có mức chi trên 2% đến dưới 3% doanh số. Kết quả nghiên cứu định tính cũng cho thấy, trong khoảng 3 năm gần đây, hầu như không có doanh nghiệp công nghiệp nào xây dựng chiến lược R&D cho mình. Như vậy, mức độ quan tâm và tỷ lệ chi cho R&D của doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là rất thấp. Kết quả nghiên cứu này cũng khá tương đồng với các nghiên cứu trước đây về thực trạng R&D ở cấp độ doanh nghiệp, hầu hết các doanh nghiệp không tập trung phát triển năng lực R&D trong thời gian dài, quá trình học hỏi công nghệ rất chậm và thụ động. Điều này cũng đúng với cả những doanh

Địa phương

ngành có quy mô lớn, tỷ lệ đầu tư cho hoạt động R&D so với tổng doanh thu của doanh nghiệp cũng không cao. Một dấu hiệu đáng quan ngại đó là mức độ chi cho hoạt động R&D đang có xu hướng không được cải thiện trong khoảng 3 năm gần đây trong các doanh nghiệp (64% số doanh nghiệp không có sự thay đổi trong tỷ lệ đầu tư cho R&D so với tổng doanh số trong 3 năm trở lại đây).

Các yếu tố tác động, cuộc điều tra đã tiến hành khảo sát về các yếu tố chính thúc đẩy và cản trở hoạt động R&D của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (bảng 1). Kết quả điều tra cho thấy, các yếu tố tác động lớn trong việc thúc đẩy hoạt động R&D lần lượt là: Mở rộng sản phẩm (63,9%), cắt giảm chi phí sản xuất (51,4%), mở rộng thị trường (49,8%), nâng cao chất lượng sản phẩm (37,6%), duy trì hoặc tăng thị phần (30,6%)...; các yếu tố chính trực tiếp gây cản trở đến hoạt động R&D của doanh nghiệp có thể kể đến là: Chi phí cho R&D quá cao (72,3%), thiếu nhân lực có trình độ (59,4%), thiếu nguồn tài trợ (38,7%)...

Bảng 1. Các yếu tố chính thúc đẩy và cản trở hoạt động R&D của doanh nghiệp.

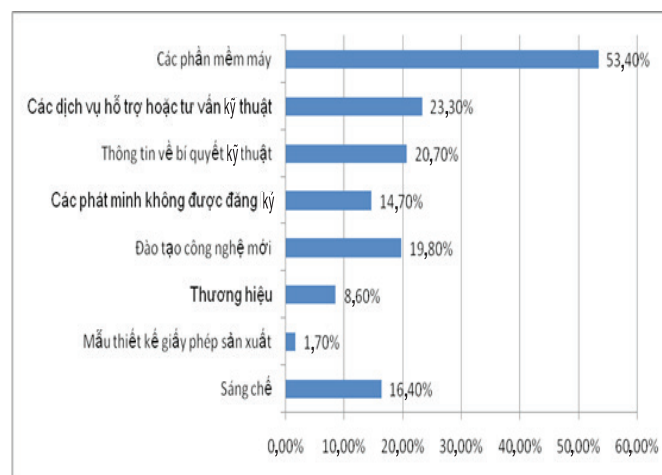
STT	Yếu tố chính thúc đẩy hoạt động R&D	Tỷ trọng (%)	STT	Yếu tố chính cản trở hoạt động R&D	Tỷ trọng (%)
1	Mở rộng sản phẩm	63,9	1	Chi phí quá cao	72,3
2	Cắt giảm chi phí sản xuất	51,4	2	Thiếu nhân lực có trình độ	59,4
3	Mở rộng thị trường	49,8	3	Thiếu nguồn tài trợ	38,7
4	Nâng cao chất lượng sản phẩm	37,6	4	Thời gian thu hồi vốn dài	28,9
5	Duy trì hoặc tăng thị phần	30,6	5	Thiếu thông tin về công nghệ và thị trường	25,4
6	Phát triển các sản phẩm tiện lợi hơn cho người tiêu dùng	27,1	6	Rủi ro cao	25,4
7	Giảm tác hại của môi trường	13,7	7	Không có nhu cầu đổi mới sáng tạo do đã thực hiện đổi mới sáng tạo từ trước	15,6
8	Cải thiện điều kiện làm việc	13,3	8	Không có công nghệ cần thiết trên thị trường	13,3
9	Đổi loại bỏ các sản phẩm đang sản xuất	11,4	9	Thủ tục hành chính rườm rà	9,8

(nguồn: Kết quả điều tra (2016) của tác giả).

Hoạt động TNCN

Về hoạt động và loại hình, kết quả điều tra cũng cho thấy, trong 3 năm trở lại đây có khoảng 60% doanh nghiệp không thực hiện việc TNCN - chuyển

giao công nghệ mới. Trong số 40% doanh nghiệp thực hiện việc này thì chủ yếu là lĩnh vực chế biến, chế tạo (41,2%), lĩnh vực lắp ráp (35%). Loại hình công nghệ mà doanh nghiệp tiếp nhận khá đa dạng, trong đó chủ yếu là các phần mềm, còn các loại hình công nghệ khác như mẫu thiết kế, giấy phép sản xuất và thương hiệu có tỷ lệ khá thấp.



Biểu đồ 1. Loại hình công nghệ mà các doanh nghiệp tiếp nhận.

Về đầu tư tài chính, một điểm đáng chú ý là kinh phí mà các doanh nghiệp dành cho TNCN là rất thấp. Trong số các doanh nghiệp điều tra có hoạt động chi cho TNCN thì có tới hơn 70% số doanh nghiệp chi dưới 10 triệu đồng cho hoạt động TNCN, gần 16% doanh nghiệp chi từ 10 đến dưới 100 triệu đồng. Có đến 39% doanh nghiệp không có hoạt động chi cho TNCN, 31,6% doanh nghiệp dành mức tỷ lệ dưới 0,5% và gần 10% doanh nghiệp dành mức tỷ lệ từ 0,5% đến 1% tổng doanh thu cho hoạt động này. Như vậy, kết quả đầu tư cho hoạt động TNCN nhằm đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp cũng không khả quan hơn so với đầu tư cho hoạt động R&D.

Các yếu tố tác động, kết quả điều tra cho thấy, các yếu tố tác động chủ yếu trong việc thúc đẩy hoạt động TNCN của doanh nghiệp là: Mở rộng sản phẩm (64,6%), cắt giảm chi phí sản xuất (49,8%), nâng cao chất lượng sản phẩm (41,1%)...; trong khi các yếu tố chính gây cản trở hoạt động TNCN của doanh nghiệp là: Chi phí cho hoạt động này quá cao (75,5%), thiếu nhân lực có trình độ (46,2%), thời gian thu hồi vốn dài (35,9%)... (bảng 2).

Bảng 2. Các yếu tố chính thúc đẩy và cản trở hoạt động TNCN của doanh nghiệp.

STT	Yếu tố chính thúc đẩy	Tỷ trọng (%)	STT	Yếu tố chính cản trở	Tỷ trọng (%)
1	Mở rộng sản phẩm	64,6	1	Chi phí quá cao	75,5
2	Cắt giảm chi phí sản xuất	49,8	2	Thiếu nhân lực có trình độ	46,2
3	Mở rộng thị trường	46,0	3	Thời gian thu hồi vốn dài	35,9
4	Nâng cao chất lượng sản phẩm	41,1	4	Thiếu nguồn tài trợ	34,8
5	Duy trì hoặc tăng thị phần	28,4	5	Thiếu thông tin về công nghệ và thị trường	28,2
6	Phát triển các sản phẩm tiện lợi hơn cho người tiêu dùng	23,2	6	Rủi ro cao	23,8
7	Cải thiện điều kiện làm việc		7	Không có nhu cầu tiếp nhận do đã thực hiện đổi mới sáng tạo từ trước	16,1
8	Đổi loại bỏ các sản phẩm đang sản xuất	14,4	8	Không có công nghệ cần thiết trên thị trường	13,2
9	Giảm tác hại của môi trường	13,0	9	Thủ tục hành chính rườm rà	11,4
10	Các yếu tố khác	0,0	10	Thiếu sự hỗ trợ của luật pháp	10,3

(nguồn: Kết quả điều tra (2016) của tác giả).

Một số gợi ý chính sách

Để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động R&D cũng như đổi mới công nghệ, bên cạnh việc thực hiện tốt các chính sách chung của Nhà nước, tỉnh Hưng Yên cần quan tâm tới một số vấn đề cụ thể sau:

Một là, thành lập một tổ chức trung gian để liên kết các tổ chức R&D với các doanh nghiệp. Tổ chức này nên được đặt ở Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên, có chức năng giống như một phòng thuộc Ban. Tổ chức này hoạt động như một cầu nối liên kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học tại thành phố Hưng Yên cũng như các tổ chức nghiên cứu trong cả nước, có vai trò cung cấp và tiếp nhận các thông tin liên quan đến các hoạt động R&D và TNCN của các doanh nghiệp công nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, đồng thời cập nhật các chính sách về KH&CN để kịp thời cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp; tư vấn, tập huấn cho các cá nhân, doanh nghiệp những khóa học liên quan đến hoạt động R&D và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ; tham mưu, đề xuất chính sách cho các cơ quan chức năng của tỉnh nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động R&D và TNCN của các doanh nghiệp.

Hai là, bảo lãnh các khoản vay phục vụ cho hoạt động R&D và TNCN. Việc vay vốn từ các tổ chức tài chính, đặc biệt là từ các ngân hàng thương mại thường không dễ dàng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các khoản vay này luôn bị các ngân hàng coi là có tính rủi ro cao do các doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều bất trắc và dễ tổn thương trước các biến động từ thị trường và nền kinh tế. Hơn nữa, những doanh nghiệp này thường không có nguồn bảo lãnh hoặc thế chấp cho các khoản vay. Do vậy, nên có tổ chức dưới dạng hiệp hội đứng ra bảo lãnh, tư vấn về các thủ tục, giấy tờ để các doanh nghiệp có thể vay vốn, yên tâm đầu tư.

Ba là, có các chính sách phát triển nhân lực, đặc biệt là nhân lực KH&CN. Trình độ nhân lực của các doanh nghiệp được khảo sát cho kết quả khá thấp (tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm đến hơn 62%, lao động có trình độ trung cấp/sơ cấp chiếm hơn 20%, lao động có trình độ đại học/cao đẳng và trên đại học chiếm 18%). Với trình độ nhân lực như vậy, cùng với sự khảng định của doanh nghiệp về thiếu nguồn nhân lực có trình độ đòi hỏi tỉnh Hưng Yên cần có chính sách cụ thể để phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN trong các doanh nghiệp công nghiệp. Các cơ quan quản lý nhân lực KH&CN của tỉnh cần xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ KH&CN trên địa bàn Hưng Yên làm căn cứ để xác định tình trạng và dự báo cung - cầu về nhân lực KH&CN cho toàn tỉnh nói chung và cho các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng. Các cơ quan hữu quan của tỉnh cũng cần hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp trong việc xác định nhu cầu, xây dựng các kế hoạch và chương trình đào tạo cán bộ KH&CN cho doanh nghiệp. Tỉnh cần có chính sách ưu đãi về điều kiện làm việc và thu nhập đối với cán bộ KH&CN có trình độ cao đang làm việc tại các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cán bộ KH&CN của doanh nghiệp tham gia làm chủ nhiệm các đề tài/dự án cấp tỉnh ✍